TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 149 /2021/DS-PT
Ngày 29-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2021/TLPT-DS ngày 24/5/2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2021/QĐ-PT ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp Phước Lý, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp Phước Khánh, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp Hòa 2, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Kim H trình bày:

Bà và ông T có mối quan hệ bạn bè. Vào tháng 6/2019, ông T nói không có tiền để trả ngân hàng, tiền điện trong kinh doanh sản xuất nước đá, tiền sinh hoạt gia đình nên ngày 20/6/2019 bà có cho ông T mượn số tiền 280.000.00 đồng, trong giấy có ghi 18 tháng trả, nhưng sau đó bà có sửa lại là 04 tháng trả, tức là đến ngày

20/10/2019 và được ông T đồng ý. Vì là bạn bè nên bà không tính lãi trong khoảng thời gian này. Khi đến hạn, bà có yêu cầu trả tiền nhưng ông T không trả. Trước đây trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 bà yêu cầu ông T trả số tiền vốn 280.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 20/10/2019 đến ngày 03/12/2020 với mức lãi suất là 10%/năm với số tiền 31.888.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu ông T trả tiền gốc 280.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định, thời gian tính lãi từ khi ông T vi phạm hợp đồng vay (ngày 21/12/2020) đến ngày Tòa án xét xử (ngày 02/4/2021).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thừa nhận giấy ghi nợ do bà H cung cấp cho Tòa án là do ông viết và chữ ký là của ông nhưng ông không có nhận tiền và trong giấy ghi là 18 tháng trả, không phải 04 tháng như bà H sửa lại. Vì trong thời gian này vợ chồng ông có mâu thuẫn, đồng thời vợ ông trị bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh thời gian dài nên ông và bà H chung sống với nhau. Khi vợ ông trở về, bà H không chịu ra khỏi nhà và yêu cầu ông ghi giấy nợ thì bà mới chịu đi nên ông viết giấy nợ cho bà H mà không có nhận tiền. Do đó, ông không đồng ý trả số tiền vay theo yêu cầu của bà H.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim H. Buộc ông Nguyễn Văn T hoàn trả cho bà Lê Kim H số tiền 287.973.000 đồng, trong đó tiền vốn vay gốc 280.000.000 đồng, tiền lãi 7.973.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/4/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông N trình bày: Ông T chỉ ghi biên nhận khống để cho bà H ra khỏi nhà vợ chồng ông, thực tế ông không có nhận tiền của bà H. Theo biên bản hòa giải ngày 30/12/2019 tại Tòa án nhân dân huyện M, chính bà H cũng thừa nhận ngày 20/6/2019 ông T viết giấy biên nhận nhưng không có nhận tiền vì đã nhận những lần trước đó. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn bà H không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ông T cho rằng ông không có nhận tiền mà do trong thời gian giữa ông và vợ là bà Điệp có mâu thuẫn, bà Điệp đi trị bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh thời gian dài nên ông dẫn bà H về chung sống. Khi bà Điệp về, bà H buộc ông ghi giấy nợ mới đồng ý ra khỏi nhà. Tuy nhiên, ông T không có chứng cứ chứng minh việc bị ép buộc viết giấy nợ, trong khi trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, ông T thừa nhận giấy nợ do ông viết bà ký tên, do đó cấp sơ thẩm buộc ông T phải trả số tiền 280.000.000 đồng và trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào chứng cứ là giấy biên nhận ngày 20/6/2019 có nội dung bà H cho ông T vay 280.000.000 đồng thời hạn vay 18 tháng, không có thỏa thuận về lãi suất. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận ông T là người viết và ký tên vào giấy biên nhận do nguyên đơn cung cấp nhưng thực tế ông T không có nhận tiền. Ông T phải viết giấy biên nhận để giữ gìn hạnh phúc gia đình, số tiền 280.000.000 đồng bản chất là số tiền bà H yêu cầu ông phải cho bà để bà ra khỏi nhà vợ chồng ông T.

[2] Bị đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào việc ông T thừa nhận là người viết, ký tên vào giấy biên nhận để buộc ông phải trả số tiền gốc và lãi chậm trả là không đúng vì ông không có nhận tiền từ bà H điều này thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện M.

Theo biên bản hòa giải ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, bà H trình bày *"Trước đây tôi và anh T có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng ở nhà anh T hơn 01 tháng nên anh Nguyễn Văn T nhiều lần mượn tiền của tôi để trả tiền điện, tiền ngân hàng nhưng không trả. Những lần mượn tiền này đều không có viết giấy biên nhận. Vì vậy, vào ngày 20/6/2019, anh T có viết giấy "Biên nhận" có vay của tôi số tiền 280.000.000 đồng, anh T có ký tên, lần viết này thì anh T không có nhận tiền vì đã nhận những lần trước, thỏa thuận không tính lãi"*. Đây là biên bản hòa giải giữa nguyên đơn bà H tranh chấp với bị đơn ông T cũng đối với số tiền 280.000.000 đồng, tuy nhiên sau đó bà H đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện M ra quyết định đình chỉ vụ án nay bà H khởi kiện lại thành vụ án này. Trong khi đó, theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà H lại cho rằng bà đã giao cho ông T số tiền 280.000.000 đồng vào ngày 20/6/2019. Như vậy, lời trình bày của bà H về việc giao nhận số tiền vay là không thống nhất, tại phiên tòa phúc thẩm bà H cũng không lý giải được tại sao có sự mâu thuẫn trong lời trình bày của bà.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định mặc dù ông T có viết và ký tên vào biên nhận ngày 20/6/2019 nhưng thực tế ông T không có nhận tiền của bà H, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào giấy biên nhận tiền mà chưa xem xét, đánh giá sự mâu

thuẫn trong lời trình bày của bà H gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn. Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Lê Kim H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 14.399.000 đồng (5% của số tiền 287.937.000 đồng).

[3.2] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T;

Sửa Bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim H về việc buộc ông Nguyễn Văn T hoàn trả cho bà Lê Kim H số tiền 287.937.000 đồng, trong đó tiền vốn vay gốc 280.000.000 đồng, tiền lãi 7.973.000 đồng.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm: Bà Lê Kim H phải chịu 14.399.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.798.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005977 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Bà Lê Kim H còn phải nộp số tiền 6.601.000 đồng.

[2.2] Án phí phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000636 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng